

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018
và kết thúc vào ngày 30/06/2018



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 39



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh, tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh, được chuyển thành công ty cổ phần theo đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp 5700100231.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ hai ngày 22/08/2014, vốn điều lệ của Công ty là 500.499.360.000 VND, được chia thành 50.049.936 cổ phần. Cụ thể như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	49.212.432	98,33%
2	Các đối tượng khác	837.504	1,67%
Cộng		50.049.936	100%

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Hội đồng quản trị:

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên: Chức vụ:

- Ông Đỗ Ngọc Khanh Chủ tịch
- Ông Phạm Công Đoàn Ủy viên
- Ông Bùi Quang Đạo Ủy viên
- Ông Nguyễn Văn Mạnh Ủy viên
- Ông Nguyễn Phú Quân Ủy viên

(i) Từ ngày 20/05/2018

(i) Theo Nghị quyết số 01/2018/NQ - ĐHĐCĐ ngày 20/5/2018 của ĐHĐCĐ: thông qua việc bầu Ông Nguyễn Phú Quân làm thành viên HĐQT.

Ban Tổng giám đốc:

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên: Chức vụ:

- Ông Bùi Quang Đạo Tổng Giám đốc
- Ông Đinh Anh Tuấn Phó Tổng giám đốc
- Ông Hoàng Trọng Tùng Phó Tổng giám đốc
- Ông Quách Đình Phú Phó Tổng giám đốc

CÔNG TY
CHUYÊN HỮU
KẾ
TÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:

Chức vụ:

- | | |
|------------------------|--|
| - Ông Nguyễn Mạnh Hùng | Trưởng ban |
| - Ông Phùng Xuân Dũng | Thành viên (i) Đến hết ngày 01/01/2018 |
| - Ông Đỗ Quang Hưng | Thành viên |
| - Bà Lương Thị Yến | Thành viên (ii) Từ ngày 20/05/2018 |

(i) Theo Quyết định số 01/2018/QĐ-HĐQT ngày 02/01/2018 của HĐQT: miễn nhiệm thành viên BKS đối với ông Phùng Xuân Dũng.

(ii) Theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/5/2018 của ĐHĐCĐ: Thông qua việc bầu Bà Lương Thị Yến làm thành viên BKS.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

5. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 08 năm 2018

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Đạo
Tổng Giám đốc

Số: 15 /2018/BCSX-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh được lập ngày 13/08/2018 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 được trình bày từ trang 8 đến trang 39 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh tại ngày 30/06/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của đơn vị cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đại diện Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán 0576-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.568.268.988.806	1.112.140.769.842
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		32.949.082.259	36.881.089.607
Tiền	111	5.1	32.949.082.259	36.881.089.607
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		114.000.000.000	90.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	114.000.000.000	90.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.373.648.354.346	933.603.098.874
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.3	243.011.205.224	53.526.153.493
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.022.466.724	4.837.074.754
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.135.666.804.964	886.285.595.052
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.5	(11.286.526.002)	(11.286.526.002)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	234.403.436	240.801.577
Hàng tồn kho	140	5.7	43.193.157.368	40.912.807.834
Hàng tồn kho	141		46.170.169.430	43.889.819.896
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(2.977.012.062)	(2.977.012.062)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.478.394.833	10.743.773.527
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	4.460.146.833	3.956.952.192
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	5.14	18.248.000	6.786.821.335
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		457.544.254.935	473.194.774.603
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Tài sản cố định	220		253.064.568.580	267.905.754.704
TSCĐ hữu hình	221	5.9	251.859.162.060	266.437.952.356
- Nguyên giá	222		613.814.325.466	613.814.325.466
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(361.955.163.406)	(347.376.373.110)
TSCĐ vô hình	227	5.10	1.205.406.520	1.467.802.348
- Nguyên giá	228		4.050.000.000	4.050.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.844.593.480)	(2.582.197.652)
Tài sản dở dang dài hạn	240		35.693.851.902	35.313.602.613
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	35.693.851.902	35.313.602.613
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	161.434.900.800	161.545.036.800
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.207.213.772	2.207.213.772
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		196.703.805.351	197.621.605.351
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		(37.476.118.323)	(38.283.782.323)
Tài sản dài hạn khác	260		7.350.933.653	8.430.380.486
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	7.209.481.121	8.288.927.954
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		141.452.532	141.452.532
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.025.813.243.741	1.585.335.544.445

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.464.922.590.384	1.005.621.868.476
Nợ ngắn hạn	310		1.464.922.590.384	1.005.621.868.476
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	1.304.659.855.722	876.496.632.973
Người mua trả tiền trước	312		12.110.171.857	15.443.955.141
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	8.347.384.212	6.913.034.963
Phải trả người lao động	314		8.514.169.152	38.798.430.692
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	546.250.656	13.621.088.892
Doanh thu chưa thực hiện	318		4.127.978.537	1.235.091.375
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	121.964.673.333	50.975.614.108
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.652.106.915	2.138.020.332
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		560.890.653.357	579.713.675.969
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	560.890.653.357	579.713.675.969
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500.499.360.000	500.499.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.499.360.000	500.499.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.391.293.357	79.214.315.969
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		23.410.772.528	8.130.828.917
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		36.980.520.829	71.083.487.052
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.025.813.243.741	1.585.335.544.445

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG PHÒNG TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC





Vũ Mạnh Duy

Nguyễn Tư Thịnh

Bùi Quang Đạo

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.619.157.517.289	192.393.257.151
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		2.619.157.517.289	192.393.257.151
Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.561.253.817.314	136.183.033.415
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		57.903.699.975	56.210.223.736
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	46.496.433.099	3.408.252.426
Chi phí tài chính	22	6.4	41.337.444.311	65.645.561
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	25.003.374.754	5.992.417.171
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38.059.314.009	53.560.413.430
Thu nhập khác	31	6.5	8.569.480.365	869.637.667
Chi phí khác	32	6.6	384.065.005	546.237.686
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		8.185.415.360	323.399.981
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46.244.729.369	53.883.813.411
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	9.264.208.540	10.736.773.042
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		36.980.520.829	43.147.040.369
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	739	862

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG PHÒNG TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC





Vũ Mạnh Duy

Nguyễn Tư Thịnh

Bùi Quang Đạo

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2.440.682.862.946	191.517.372.973
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(2.117.611.360.926)	(76.943.260.717)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(56.004.563.158)	(55.634.716.052)
Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
Tiền chi nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(5.569.483.921)	(13.493.449.883)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.622.316.000	9.884.603.597
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(49.567.317.643)	(24.813.203.158)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	223.552.453.298	30.517.346.760
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	-	(79.401.168)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	165.000.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(872.944.000.000)	(43.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	633.256.000.000	25.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.010.909.647	345.157.469
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(227.677.090.353)	(17.569.243.699)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.681.840)	(34.142.255)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.681.840)	(34.142.255)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	36.881.089.607	8.307.813.315
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	197.311.547	6.050.873
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	32.949.082.259	21.227.824.994

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG PHÒNG TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC





Vũ Mạnh Duy

Nguyễn Tư Thịnh

Bùi Quang Đạo

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh, tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh, được chuyển thành công ty cổ phần theo đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp 5700100231.

Tổng số cổ phần của Công ty là 50.049.936 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp dỡ, bảo quản hàng hóa; chuyển tải hàng hóa tại khu vực cảng (không bao gồm ngành bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: đại lý bán lẻ xăng dầu);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: kinh doanh dịch vụ kho bãi (trừ kinh doanh bất động sản);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: dịch vụ hàng hải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: giao nhận hàng hóa; kinh doanh dịch vụ logistic (không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty bao gồm:

- Xí nghiệp dỡ Cái Lân
- Xí nghiệp cơ giới Hạ Long (tên trước đây là Xí nghiệp xếp dỡ Hạ Long);
- Xí nghiệp sửa chữa và vận tải (tên trước đây là Xí nghiệp sửa chữa cơ khí và vận tải thủy bộ);
- Xí nghiệp giao nhận và kho bãi (tên trước đây là Xí nghiệp giao nhận kinh doanh kho bãi); và
- Trung tâm điều độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty có 755 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 công ty có 775 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được phân loại thành tài sản và nợ phải trả, vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam lần lượt theo tỷ giá mua vào và bán ra của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

4.4 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Giá trị nguyên vật liệu, CCDC, hàng hoá Bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- | | |
|------------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa vật kiến trúc: | 10 - 40 năm |
| - Máy móc thiết bị: | 10 - 20 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn: | 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng: | 05 năm |

4.6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- | | |
|----------------------|--------|
| - Phần mềm máy tính: | 03 năm |
|----------------------|--------|

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ hai ngày 22 tháng 08 năm 2014 là 500.499.360.000 đồng và được chia thành 50.049.936 cổ phần.

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của các cổ đông và số vốn thực góp của các cổ đông tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy CNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	Tỷ lệ
Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	492.124.320.000	492.124.320.000	98,33%
Các cổ đông khác	8.375.040.000	8.375.040.000	1,67%
Cộng	500.499.360.000	500.499.360.000	100%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu dịch vụ tư vấn được ghi nhận trên cơ sở giá trị hoá đơn tài chính được phát hành, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và được khách hàng chấp nhận thanh toán
- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

4.13 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

4.14 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT của Công ty đối với các đại lý tàu biển nước ngoài là 0%, các dịch vụ khác là 10%. Hoạt động kinh doanh nông sản không phải kê khai, tính và nộp thuế GTGT.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018, Công ty áp dụng mức thuế suất 20%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

		<u>30/06/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	193.397.628	206.168.153
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	32.755.684.631	36.674.921.454
Cộng		<u>32.949.082.259</u>	<u>36.881.089.607</u>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2018 bao gồm:

	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		193.397.628
Cộng		<u>193.397.628</u>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2018 bao gồm:

	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		14.727.619.155
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh		7.922.575.233
- Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Quảng Ninh		71.759.629
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - PGD Hòn Gai - Chi nhánh Quảng Ninh		4.969.106.714
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Trung tâm kinh doanh		1.003.359.397
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh		724.434.680
Ngoại tệ (USD)	785.445,87	18.002.871.552
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	197,80	4.533.576
- Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Quảng Ninh	1.909,71	43.761.005
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - PGD Hòn Gai - Chi nhánh Quảng Ninh	772.599,78	17.707.986.958
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	10.738,58	246.590.013
Ngoại tệ (EUR)	956,31	25.193.924
- Ngân hàng TMCP Hàng hải VN - CN Quảng Ninh	106,77	2.863.892
- Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Quảng Ninh	846,54	22.330.032
Cộng		<u>32.755.684.631</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>30/06/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
Công ty cổ phần Tập đoàn T&T (*)	114.000.000.000	90.000.000.000
Cộng	114.000.000.000	90.000.000.000

- (*) Đây là khoản ký gửi vốn vào Công ty cổ phần Tập đoàn T&T ("Tập đoàn T&T") theo hợp đồng hợp tác số 01/2017/CQN-TT ngày 01 tháng 01 năm 2017 giữa Công ty và Tập đoàn T&T, theo đó Công ty ký gửi khoản tiền nhàn rỗi cho Tập đoàn T&T quản lý. Khi có nhu cầu rút khoản ký gửi Công ty sẽ gửi thông báo cho Tập đoàn T&T và yêu cầu Tập đoàn T&T chuyển khoản rút vốn vào tài khoản của Công ty theo chỉ dẫn của Công ty. Khoản ký gửi vốn được hưởng lãi theo mức lãi suất thỏa thuận thống nhất giữa hai bên nhưng không thấp hơn lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

5.3 Phải thu khách hàng

	<u>30/06/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	243.011.205.224	53.526.153.493
Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng Hải Quảng Ninh (VOSA Quảng Ninh)	2.817.726.885	953.312.266
Công ty cổ phần tập đoàn Quang Minh	4.867.032.614	4.867.032.614
Công ty cổ phần sản xuất bao bì và xuất nhập khẩu Hà Nội	-	20.749.763.320
Công ty cổ phần Thăng Hoa	24.595.738.233	-
Công ty Cổ phần kinh doanh thực phẩm BAF	137.557.337.920	-
Công ty cổ phần kinh doanh thương mại Thịnh Phát	37.518.635.026	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	35.654.734.546	26.956.045.293
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	243.011.205.224	53.526.153.493

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.4 Phải thu khác

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.135.666.804.964	(506.381.220)	886.285.595.052	(506.381.220)
Tạm ứng	2.394.772.523	-	2.274.451.157	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quang Minh	506.381.220	(506.381.220)	506.381.220	(506.381.220)
Công ty cổ phần sản xuất bao bì và xuất nhập khẩu Hà Nội	6.020.089.044	-	5.506.745.584	-
Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ Tân Mai	-	-	2.552.113.163	-
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu rau quả I	-	-	2.450.476.826	-
Công ty CP Tập đoàn T&T	1.126.560.662.156	-	872.135.503.735	-
Phải thu khác	184.900.021	-	859.923.367	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.135.666.804.964	(506.381.220)	886.285.595.052	(506.381.220)

5.5 Nợ xấu

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	11.979.657.841	693.131.839	11.979.657.841	693.131.839
- Từ 3 năm trở lên	10.200.211.638	-	10.200.211.638	-
<i>Cty CP ĐT Cửu Long Vinashin</i>	1.216.847.009	-	1.216.847.009	-
<i>Công ty CP Công Nghiệp Nặng Cửu Long</i>	1.785.424.000	-	1.785.424.000	-
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Quang Minh</i>	5.373.413.834	-	5.373.413.834	-
<i>Khác</i>	1.824.526.795	-	1.824.526.795	-
- Từ 2 đến dưới 3 năm	1.069.500.461	320.850.138	1.069.500.461	320.850.138
<i>Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh</i>	335.131.516	100.539.455	335.131.516	100.539.455
<i>Cảng Vụ Hàng Hải Quảng Ninh</i>	734.368.945	220.310.683	734.368.945	220.310.683

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Nợ xấu (tiếp theo)	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
- Từ 1 đến dưới 2 năm	623.401.592	311.700.795	623.401.592	311.700.795
<i>Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh</i>	279.723.557	139.861.778	279.723.557	139.861.778
<i>Cảng Vụ Hàng Hải Quảng Ninh</i>	343.678.035	171.839.017	343.678.035	171.839.017
- Dưới 1 năm	86.544.150	60.580.906	86.544.150	60.580.906
<i>Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh</i>	86.544.150	60.580.906	86.544.150	60.580.906
<i>Cảng Vụ Hàng Hải Quảng Ninh</i>	-	-	-	-
Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn	-	-	-	-

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Hàng tồn kho	234.403.436	240.801.577
Cộng	234.403.436	240.801.577

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	7.411.608.353	(656.692.085)	7.213.309.031	(656.692.085)
Phụ tùng và vật tư thay thế	36.680.116.000	(2.222.592.177)	34.488.461.027	(2.222.592.177)
Công cụ, dụng cụ	2.078.445.077	(97.727.800)	2.188.049.838	(97.727.800)
Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	46.170.169.430	(2.977.012.062)	43.889.819.896	(2.977.012.062)

5.8 Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Mua sắm	-	-
- Xây dựng cơ bản	35.693.851.902	35.313.602.613
<i>Dự án kho bãi hàng hóa đôi thượng lưu bốn một</i>	31.941.012.224	31.941.012.224
<i>Dự án kho 4200m² đôi trong bốn một</i>	2.298.399.091	2.298.399.091
<i>Dự án khác</i>	1.454.440.587	1.074.191.298
- Sửa chữa	-	-
Cộng	35.693.851.902	35.313.602.613

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	173.278.627.956	104.888.800.943	323.429.151.642	12.217.744.925	-	613.814.325.466
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	173.278.627.956	104.888.800.943	323.429.151.642	12.217.744.925		613.814.325.466
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu kỳ	93.640.870.082	54.756.499.919	187.014.570.731	11.964.432.378	-	347.376.373.110
- Khấu hao trong kỳ	2.565.559.860	3.308.077.050	8.655.074.974	50.078.412	-	14.578.790.296
- Hao mòn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	96.206.429.942	58.064.576.969	195.669.645.705	12.014.510.790		361.955.163.406
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	79.637.757.874	50.132.301.024	136.414.580.911	253.312.547	-	266.437.952.356
Tại ngày cuối kỳ	77.072.198.014	46.824.223.974	127.759.505.937	203.234.135	-	251.859.162.060

- Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay
- Nguyên giá đã khấu hao hết, đang sử dụng

97.940.108.243

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	-	4.050.000.000	4.050.000.000
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	4.050.000.000	4.050.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu kỳ	-	2.582.197.652	2.582.197.652
- Khấu hao trong kỳ	-	262.395.828	262.395.828
- Tăng khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	2.844.593.480	2.844.593.480
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	-	1.467.802.348	1.467.802.348
Tại ngày cuối kỳ	-	1.205.406.520	1.205.406.520
<i>Nguyên giá đã khấu hao hết, đang sử dụng</i>			35.000.000

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết	2.207.213.772	(2.207.213.772)	2.207.213.772	(2.207.213.772)
Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	2.207.213.772	(2.207.213.772)	2.207.213.772	(2.207.213.772)
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	196.703.805.351	(35.268.904.551)	197.621.605.351	(36.076.568.551)
Tổng Công ty Rau quả - Nông sản	156.918.438.000	-	156.918.438.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	1.015.739.351	(664.475.351)	1.015.739.351	(664.475.351)
Công ty CP Vinalines Logistic Việt Nam	1.000.000.000	(400.000.000)	1.000.000.000	(400.000.000)
Công ty Cổ phần Cảng Cái Lân Việt Nam	29.709.990.000	(26.144.791.200)	30.627.790.000	(26.952.455.200)
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Ngôi sao Hạ Long	8.059.638.000	(8.059.638.000)	8.059.638.000	(8.059.638.000)
Cộng	198.911.019.123	(37.476.118.323)	199.828.819.123	(38.283.782.323)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

	30/06/2018		01/01/2018			
	Vốn điều lệ (VND)	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ biểu quyết VND	Vốn điều lệ VND	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ biểu quyết VND
c. Chi tiết các khoản đầu tư						
Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	8.500.000.000	2.207.213.772	23,53%	8.500.000.000	2.207.213.772	23,53%
Tổng Công ty Rau quả - Nông sản	713.000.000.000	156.918.438.000	12,23%	713.000.000.000	156.918.438.000	12,23%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	11.750.000.000.000	1.015.739.351	0,01%	11.750.000.000.000	1.015.739.351	0,01%
Công ty Cổ phần Vinalines Logistic Việt Nam	141.621.300.000	1.000.000.000	0,71%	141.621.300.000	1.000.000.000	0,71%
Công ty Cổ phần Cảng Cái Lân Việt Nam	365.050.000.000	29.709.990.000	8,14%	365.050.000.000	30.627.790.000	8,39%
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Ngôi sao Hạ Long	60.000.000.000	8.059.638.000	13,43%	60.000.000.000	8.059.638.000	13,43%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.12 Chi phí trả trước

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a. Ngắn hạn	4.460.146.833	3.956.952.192
Bảo hiểm tài sản	1.984.344.743	164.561.679
Thuê nhà kho	1.608.600.810	1.221.000.810
Chi phí trả trước khác	867.201.280	2.571.389.703
b. Dài hạn	7.209.481.121	8.288.927.954
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	247.181.156	756.820.807
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.962.299.965	7.532.107.147
Cộng	11.669.627.954	12.245.880.146

5.13 Phải trả người bán

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.304.659.855.722	1.304.659.855.722	876.496.632.973	876.496.632.973
Công ty cổ phần phát triển bóng đá Sài Gòn	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Huy Mạnh	3.632.378.200	3.632.378.200	4.000.610.401	4.000.610.401
Tổng công ty vật tư nông nghiệp - Công ty cổ phần	460.405.338.056	460.405.338.056	564.141.014.724	564.141.014.724
Công ty cổ phần Cảng rau quả	481.710.198.487	481.710.198.487	302.957.604.384	302.957.604.384
Công ty cổ phần thương mại và đầu tư TIC Hà Nội	348.961.345.000	348.961.345.000	-	-
Khác	7.950.595.979	7.950.595.979	5.397.403.464	5.397.403.464
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.304.659.855.722	1.304.659.855.722	876.496.632.973	876.496.632.973

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2018 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2018 (VND)
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.374.909.755	8.061.693.934	8.421.457.120	1.015.146.569
Thuế giá trị gia tăng phải nộp điều chỉnh thuế suất	2.007.052.488	-	2.007.052.488	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	264.609.070	264.609.070	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.772.038.998	9.550.637.744	5.569.483.921	6.753.192.821
Thuế thu nhập cá nhân	286.075.381	3.879.434.692	3.627.421.480	538.088.593
Thuế khác	472.958.341	115.608.500	547.610.612	40.956.229
Cộng	6.913.034.963	21.871.983.940	20.437.634.691	8.347.384.212
b. Phải thu				
Thuế GTGT phải nộp điều chỉnh thuế suất	6.768.573.335	6.768.573.335	-	-
Thuế nhập khẩu	18.248.000	93.532.798	93.532.798	18.248.000
Cộng	6.786.821.335	6.862.106.133	93.532.798	18.248.000

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.15 Chi phí phải trả

	<u>30/06/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần phát triển bóng đá Sài Gòn	-	12.500.000.000
VOSA Quảng Ninh	-	17.801.955
Công ty TNHH Cảng Công - Ten - Nơ Quốc Tế Cái Lân	-	555.701.300
Công ty cổ phần Bệnh viện giao thông vận tải	-	480.360.000
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Trường Lộc	4.809.150	34.625.525
Công ty cổ phần hàng hải Quảng Hưng	434.062.500	-
Khác	107.379.006	32.600.112
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>546.250.656</u>	<u>13.621.088.892</u>

5.16 Phải trả khác

	<u>30/06/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	124.803.980	61.770.324
Cổ tức phải trả	50.079.448.217	34.194.057
Tiền thuê cơ sở hạ tầng	40.090.887.698	32.392.424.601
JR SHIPPING LIMITED	586.032.500	1.316.032.500
Công ty INLACO HP	1.023.525.000	-
Lãi chậm trả Công ty cổ phần Cảng rau quả	14.494.384.773	2.827.604.308
Lãi chậm trả Tổng công ty vật tư nông nghiệp - Công ty cổ phần	13.327.236.224	12.782.698.519
Khác	2.238.354.941	1.560.889.799
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>121.964.673.333</u>	<u>50.975.614.108</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.17 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ SH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	500.499.360.000	-	-	53.966.259.848	554.465.619.848
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	71.083.487.052	71.083.487.052
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(45.835.430.931)	(45.835.430.931)
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	500.499.360.000	-	-	79.214.315.969	579.713.675.969
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	36.980.520.829	36.980.520.829
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	(55.803.543.441)	(55.803.543.441)
Số dư cuối kỳ	500.499.360.000	-	-	60.391.293.357	560.890.653.357

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh số 01/2018/NQ-DHĐCĐ ngày 20/05/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Vốn góp của Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	492.124.320.000	492.124.320.000
Vốn góp của đối tượng khác	8.375.040.000	8.375.040.000
Cộng	500.499.360.000	500.499.360.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	500.499.360.000	500.499.360.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	500.499.360.000	500.499.360.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	50.049.936.000	42.568.326.700

Cổ phiếu

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.049.936	50.049.936
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
Cổ phiếu phổ thông	50.049.936	50.049.936
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.049.936	50.049.936
Cổ phiếu phổ thông	50.049.936	50.049.936
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV	2.619.157.517.289	192.393.257.151
Kinh doanh hàng hóa nông sản	2.439.791.476.040	-
Phí bốc xếp	112.758.775.064	110.405.371.451
Phí cầu bến	21.022.247.069	23.977.006.466
Tiền hàng hóa qua cảng	7.900.333.805	8.112.814.913
Tiền vận chuyển hàng	10.827.055.637	10.767.739.258
Lưu kho, bãi	10.687.725.134	20.905.035.231
Các dịch vụ khác	16.169.904.540	18.225.289.832

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Giá vốn hàng hóa nông sản	2.439.174.302.085	-
Chi phí nhân công	25.267.977.623	38.429.959.104
Chi phí bốc xếp, lai dắt	26.811.141.547	25.349.372.221
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	25.746.192.411	28.281.342.207
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.608.038.022	16.950.950.229
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.546.749.743	10.164.744.985
Chi phí điện nước	3.112.579.970	3.527.995.185
Chi phí sửa chữa	3.406.136.470	2.968.790.905
Chi phí khác	11.580.699.443	10.509.878.579
Cộng	2.561.253.817.314	136.183.033.415

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.838.584.558	3.156.662.623
Lãi chênh lệch tỷ giá	243.519.486	51.589.803
Lãi trả chậm	513.343.460	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	41.900.985.595	200.000.000
Cộng	46.496.433.099	3.408.252.426

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.547.471	65.645.561
Chi phí trả chậm	41.334.896.840	-
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	41.337.444.311	65.645.561

6.5 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Thưởng làm tàu nhanh	8.105.154.911	798.889.953
Thu tiền phạt bồi thường	20.500.000	21.823.350
Các khoản khác	443.825.454	48.924.364
Cộng	8.569.480.365	869.637.667

6.6 Chi phí khác

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	88.037.410
Các khoản khác	384.065.005	458.200.276
Cộng	384.065.005	546.237.686

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.003.374.754	5.992.417.171
Chi phí nhân viên	13.922.731.160	16.124.781.146
Chi phí khấu hao	233.148.102	279.743.677
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.121.707.493	633.359.929
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.661.075.212	521.160.679
Chi phí khác	1.064.712.787	5.742.249.637
Hoàn nhập dự phòng	-	(17.901.950.817)
b. Chi phí bán hàng	-	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	25.003.374.754	5.992.417.171

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
a. Chi phí SX, kinh doanh theo yếu tố	2.585.943.561.631	142.175.450.586
Chi phí hàng hóa nông sản	2.439.174.302.085	-
Chi phí nhân công	39.190.708.783	36.652.789.433
Chi phí bốc xếp lai dắt	26.811.141.547	25.349.372.221
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	25.746.192.411	28.281.342.207
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.841.186.124	17.230.693.906
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.668.457.236	10.619.710.621
Chi phí điện nước	3.112.579.970	3.527.995.185
Chi phí sửa chữa	3.406.136.470	2.763.981.196
Chi phí khác	20.992.857.005	17.749.565.817
b. Các khoản ghi giảm chi phí	-	-
Cộng	2.585.943.561.631	142.175.450.586

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Thu nhập tính thuế TNDN trong kỳ	2.674.223.430.753	196.671.147.244
Tổng chi phí phát sinh trong kỳ	2.627.978.701.384	142.787.333.833
Chi phí không được trừ	354.110.544	51.801
Lợi nhuận chịu thuế TNDN	46.598.839.913	53.883.865.212
Các khoản điều chỉnh	(277.797.220)	(200.000.000)
Lợi nhuận tính thuế TNDN hiện hành	46.321.042.693	53.683.865.212
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.264.208.540	10.736.773.042
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	9.264.208.540	10.736.773.042

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	36.980.520.829	43.147.040.369
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	50.049.936	50.049.936
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	739	862

6.11 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty nắm giữ cổ phiếu của các công ty con có cùng các rủi ro như Công ty. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn nên Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
<u>Ngày 30/06/2018</u>			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.949.082.259	-	32.949.082.259
Phải thu khách hàng	243.011.205.224	-	243.011.205.224
Phải thu khác	1.135.666.804.964	-	1.135.666.804.964
Các khoản đầu tư	114.000.000.000	198.911.019.123	312.911.019.123
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(11.286.526.002)	-	(11.286.526.002)
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	(37.476.118.323)	(37.476.118.323)
Tổng cộng	1.514.340.566.445	161.434.900.800	1.675.775.467.245
<u>Ngày 30/06/2018</u>			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	1.304.659.855.722	-	1.304.659.855.722
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	122.510.923.989	-	122.510.923.989
Tổng cộng	1.427.170.779.711	-	1.427.170.779.711
<i>Chênh lệch thanh khoản thuần</i>	<i>87.169.786.734</i>	<i>161.434.900.800</i>	<i>248.604.687.534</i>
<u>Ngày 01/01/2018</u>			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.881.089.607	-	36.881.089.607
Phải thu khách hàng	53.526.153.493	-	53.526.153.493
Phải thu khác	886.285.595.052	-	886.285.595.052
Các khoản đầu tư	90.000.000.000	199.828.819.123	289.828.819.123
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(11.286.526.002)	-	(11.286.526.002)
Dự Phòng giảm giá các khoản ĐT	-	(38.283.782.323)	(38.283.782.323)
Tổng cộng	1.055.406.312.150	161.545.036.800	1.216.951.348.950
<u>Ngày 01/01/2018</u>			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	876.496.632.973	-	876.496.632.973
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	64.596.703.000	-	64.596.703.000
Tổng cộng	941.093.335.973	-	941.093.335.973
<i>Chênh lệch thanh khoản thuần</i>	<i>114.312.976.177</i>	<i>161.545.036.000</i>	<i>275.858.012.977</i>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2018	01/01/2018	30/06/2018	01/01/2018
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	114.000.000.000	90.000.000.000	114.000.000.000	90.000.000.000
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	243.011.205.224	53.526.153.493	232.231.060.442	42.746.008.711
<i>Các khoản PT khác</i>	1.135.666.804.964	886.285.595.052	1.135.160.423.744	885.779.213.832
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	32.949.082.259	36.881.089.607	32.949.082.259	36.881.089.607
<i>Đầu tư tài chính dài hạn</i>	198.911.019.123	199.828.819.123	161.434.900.800	161.545.036.800
Tổng cộng	1.724.538.111.570	1.266.521.657.275	1.675.775.467.245	1.216.951.348.950
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	-	-	-	-
<i>Phải trả người bán</i>	1.304.659.855.722	876.496.632.973	1.304.659.855.722	876.496.632.973
<i>Phải trả khác</i>	121.964.673.333	64.596.703.000	121.964.673.333	64.596.703.000
Tổng cộng	1.426.624.529.055	941.093.335.973	1.426.624.529.055	941.093.335.973

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 01 tháng 01 năm 2018 và ngày 30 tháng 06 năm 2018. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**a. Thông tin về các bên có liên quan**

Trong kỳ tài chính các giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

	Mối quan hệ	Nội dung	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ			
Công ty CP đầu tư Cảng Cái Lân	Công ty CP Cảng Quảng Ninh là nhà đầu tư chiến lược	Dịch vụ bốc xếp	4.263.338.892
Công ty CP Tập đoàn T&T	Công ty mẹ	Dịch vụ bốc xếp	879.578.646
Tổng Công ty vật tư Nông nghiệp - Công ty CP	Công ty liên kết của công ty mẹ	Dịch vụ bốc xếp	2.093.636.307
Cộng			7.236.553.845
Giá trị hàng hoá, dịch vụ mua			
Tổng Công ty vật tư Nông nghiệp - Công ty CP	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Mua nông sản	1.329.465.048.555
Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả	Công ty con của công ty mẹ	Mua nông sản	375.460.897.510
Công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân	Công ty CP Cảng Quảng Ninh là nhà đầu tư chiến lược	Dịch vụ thuê kho, vận chuyển	2.132.209.717
Cộng			1.707.058.155.782
Thu nhập của nhân sự chủ chốt			
Lương, thưởng, phụ cấp khác của Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng			2.125.346.723
Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị			1.058.844.226
Lương, thưởng của Ban Kiểm soát			368.046.728
Cộng			3.552.237.677
Hoạt động tài chính			
Công ty cổ phần tập đoàn T&T	Công ty mẹ		
+ Ký gửi vốn			39.000.000.000
+ Thu hồi khoản ký gửi vốn			(15.000.000.000)
+ Lãi ký gửi vốn			3.799.232.877
+ Thu lãi ký gửi vốn			(6.857.487.777)
+ Chuyển tiền theo hợp đồng hợp tác kinh doanh			710.288.000.000
+ Thu hồi khoản tiền hợp tác kinh doanh			(494.600.000.000)
+ Lãi tạm tính hợp đồng hợp tác kinh doanh			41.795.413.321
Chi phí tài chính			
Tổng Công ty vật tư Nông nghiệp - Công ty CP	Công ty liên kết của công ty mẹ		29.668.116.375
Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả	Công ty con của công ty mẹ		11.666.780.465
Cộng			41.334.896.840

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, số dư chủ yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Các khoản đầu tư ngắn hạn			
Công ty cổ phần tập đoàn T&T	Công ty mẹ	114.000.000.000	90.000.000.000
Cộng		114.000.000.000	90.000.000.000
Phải thu khác			
Công ty cổ phần tập đoàn T&T	Công ty mẹ	1.126.560.662.156	872.135.503.735
Cộng		1.126.560.662.156	872.135.503.735
Phải thu khách hàng			
Công ty CP đầu tư Cảng Cái Lân	Công ty CP Cảng Quảng Ninh là nhà đầu tư chiến lược	1.919.760.054	307.213.114
Cộng		1.919.760.054	307.213.114
Phải trả người bán			
Công ty cổ phần Cảng rau quả	Công ty con của Công ty mẹ	481.710.198.487	302.957.604.384
Tổng Công ty vật tư Nông nghiệp - Công ty CP	Công ty liên kết của công ty mẹ	460.405.338.056	564.141.014.724
Cộng		942.115.536.543	867.098.619.108
Phải trả khác			
Tổng Công ty vật tư Nông nghiệp - Công ty CP	Công ty liên kết của công ty mẹ	13.327.236.224	12.782.698.519
Công ty cổ phần Cảng rau quả	Công ty con của Công ty mẹ	14.494.384.773	2.827.604.308
Công ty cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân	Công ty CP Cảng Quảng Ninh là nhà đầu tư chiến lược	-	16.800.000
Cộng		27.821.620.997	15.627.102.827
Tạm ứng			
Bùi Quang Đạo	Tổng giám đốc	189.161.165	189.161.165
Đình Anh Tuấn	P. Tổng giám đốc	937.777.315	937.777.315
Cộng		1.126.938.480	1.126.938.480

b. Cam kết thuê hoạt động

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Dưới 1 năm	24.098.712.311	22.872.659.498
Từ 1 đến 5 năm	110.390.963.692	107.751.841.320
Trên 5 năm	301.020.006.765	312.610.572.455
Cộng	435.509.682.768	443.235.073.273

Cam kết thuê hoạt động thể hiện cam kết cho chi phí thuê kết cấu hạ tầng cầu 5, 6, 7 tại bến Cảng Cái Lân theo hợp đồng số 01/2014/HĐT ký kết với Cục Hàng hải Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

c. Những sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

d. Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Số liệu dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 đã được soát xét Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH PHÒNG TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Mạnh Duy

Nguyễn Tư Thịnh



Bùi Quang Đạo